TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Bản án số: 28/2020/DS-ST Ngày: 20-7-2020 *V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lài Thị Thu Hà

2. Ông Đào Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc *"tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX ST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G Sinh năm: 1969.

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Quỳnh N. Sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T Sinh năm: 1982.

Trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt; bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/8/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Quỳnh N trình bày: Xuất phát từ việc có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 16/6/2019 âm lịch bà T có vay của bà G số tiền 271.000.000đồng, sau khi hai bên thống nhất thì bà T viết giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền không thể hiện thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau thời hạn trả nợ là ……, lãi suất là 0,83%/ tháng. Quá hẹn trả nợ bà G đã đòi nhiều lần nhưng bà T không trả. Vì vậy, bà G yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho bà G số tiền gốc là 271.000.000đồng, lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/ tháng kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 26.991.000đồng, tổng cộng bà G yêu cầu bà T phải trả cho bà G số tiền là 297.991.000đồng. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà có vay của bà G số tiền 271.000.000đồng. Hiện nay, hoàn cảnh của bà khó khăn nên bà đề nghị bà G cho bà được trả dần. Bà không đồng ý trả tiền lãi cho bà G.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà T nhưng bà T không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc bà T phải trả cho bà G số tiền gốc là 271.000.000đồng và 26.991.000đồng tiền lãi. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng

Dân sự năm 2015 cần xem xét, xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà G cho rằng ngày 16/6/2019 âm lịch bà có cho bà T vay số tiền là 271.000.000đồng nhưng đến hạn trả nợ bà T không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền trên, đồng thời bà G yêu cầu bà T trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng kể từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử. Còn bà T thừa nhận vay của bà G số tiền trên nhưng đề nghị được trả dần và không đồng ý trả tiền lãi nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *"tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà Nguyễn Thị G và bà Trần Thị T có xác lập giấy mượn tiền vào ngày 16/6/2019 âm lịch với số tiền là 271.000.000đồng. Bà T thừa nhận có vay bà G số tiền trên vào ngày 16/6/2019 âm lịch. Xét thấy, việc bà G, người đại diện theo ủy quyền của bà G cho rằng bà T có vay của bà G 271.000.000đồng và xuất trình cho Tòa án bản chính giấy mượn tiền, trong giấy này thể hiện người cho vay, người vay, đều có ghi ngày vay, số tiền vay. Đồng thời, bị đơn bà T thừa nhận có vay của bà G số tiền trên nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G cần buộc bà T phải trả cho bà G số tiền gốc là 271.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu bà T phải trả cho bà G số tiền gốc là 271.000.000.000đồng thì người đại diện theo ủy quyền của bà G còn yêu cầu bà T phải trả cho bà G tiền lãi là 26.991.000đồng. Xét thấy, trong giấy mượn tiền do nguyên đơn xuất trình không thể hiện hai bên có thỏa thuận về lãi suất, bà T không đồng ý trả tiền lãi cho bà G nên xác định đây là trường hợp không xác định rõ lãi suất và các bên có tranh chấp về lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 16/6/2019 âm lịch tức ngày 18/7/2019 dương lịch đến ngày 20/7/2020 là 12 tháng 02 ngày (tính 12 tháng) cụ thể như sau: 271.000.000đồng x 0,83% x 12 tháng = 26.992.000đồng (đã làm tròn số).

Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền lãi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 26.992.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 271.000.000đồng, tiền lãi là 26.992.000đồng, tổng cộng là 297.992.000đồng.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 297.992.000đồng x 5% = 14.900.000đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G 7.112.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc là 271.000.000đồng, tiền lãi là 26.992.000.000đồng, tổng cộng là 297.992.000đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải chịu 14.900.000đồng (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 7.112.000đồng (Bảy triệu một trăm mười hai nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0007235 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/7/2020), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quỳnh